|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**\_\_\_\_\_\_Số: /2015/NĐ-CP | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc***Hà Nội, ngày tháng năm 2016* |

**DỰ THẢO**

# NGHỊ ĐỊNH

**Về thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan**

**đại diện chủ sở hữu nhà nước**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

Chính phủ ban hành Nghị định về thực hiện các quyền và trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định về:

1. Tổ chức thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Doanh nghiệp nhà nước.

3. Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động giám sát, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

**Điều****3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Doanh nghiệp nhà nước* bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. *Cơ quan đại diện chủ sở hữu* là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp hoặc thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

3. *Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại doanh nghiệp nhà nước* (sau đây gọi là người đại diện chủ sở hữu) là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu bổ nhiệm vào Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty để thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước.

4. *Người đại diện phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên* (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước) là cá nhân được cơ quan đại diện chủ sở hữu ủy quyền bằng văn bản để trực tiếp thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

5. *Người quản lý doanh nghiệp* bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc và các chức danh khác do điều lệ doanh nghiệp quy định.

**Điều****4. Phân công thực hiện quyền, trách nhiệm chủ sở hữu nhà nước**

1. Chính phủ:

a) Ban hành các Nghị định về hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 40 Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Tổ chức giám sát, đánh giá việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Ban hành và chỉ đạo thực hiện kế hoạch 05 năm và hằng năm của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

- Giới hạn phạm vi ngành, lĩnh vực hoạt động của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

- Mục tiêu đầu tư vốn nhà nước trong phạm vi toàn quốc và theo từng ngành, từng lĩnh vực;

- Hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu;

- Giải pháp, phân công tổ chức thực hiện; cách thức theo dõi, giám sát, đánh giá, chế độ báo báo và các nội dung có liên quan khác.

d) Báo cáo Quốc hội tại kỳ họp cuối năm về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp của năm trước theo nội dung quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều này .

2. Thủ tướng Chính phủ:

a) Quyết định đầu tư vốn nhà nước để thành lập doanh nghiệp có tài sản hoạt động sản xuất, kinh doanh được hình thành từ việc thực hiện dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

b) Phê duyệt đề án thành lập mới doanh nghiệp nhà nước theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

c) Phê duyệt đề án sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thành lập.

d) Quyết định chuyển giao vốn nhà nước tại doanh nghiệp giữa các cơ quan đại diện chủ sở hữu, giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp có chức năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước.

đ) Quyết định vốn điều lệ khi thành lập và điều chỉnh vốn điều lệ; phê duyệt phương án tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, sắp xếp lại, chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển và kế hoạch sản xuất, kinh doanh 05 năm của doanh nghiệp do mình quyết định thành lập theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

e) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Hội đồng thành viên doanh nghiệp do mình quyết định thành lập theo đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Ủy ban quản lý, giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp quy định tại danh mục kèm theo Nghị định này.

4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập.

5. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp quốc phòng, an ninh.

6. Ngân hàng Nhà nước thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với ngân hàng thương mại và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

7. Bộ quản lý ngành thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích ngành.

**Chương II**

**ỦY BAN QUẢN LÝ, GIÁM SÁT VỐN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP**

**Điều 6. Mục tiêu thành lập**

Chính phủ thành lập Ủy ban quản lý, giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp (sau đây viết tắt là Ủy ban) nhằm mục tiêu quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn và tài sản nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, góp phần phân bổ hợp lý và nâng cao hiệu quả và sử dụng nguồn lực xã hội, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, nâng cao sức mạnh quốc gia và phúc lợi xã hội; bao gồm các mục tiêu cụ thể sau đây:

a) Thực hiện đầy đủ, hiệu quả, chuyên trách, chuyên nghiệp quyền chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, tách biệt chức năng chủ sở hữu ra khỏi các chức năng khác của nhà nước trong nền kinh tế.

b) Cải cách, cải thiện quản trị doanh nghiệp nhà nước và quản trị tài sản nhà nước theo thông lệ kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại và hội nhập.

c) Đổi mới cách thức quản lý vốn đầu tư của nhà nước tại doanh nghiệp theo quy luật thị trường, sử dụng được một cách tập trung nguồn vốn nhà nước đang đầu tư tại doanh nghiệp để đầu tư phát triển các ngành chiến lược có giá trị gia tăng cao về dài hạn và cần có vai trò của Nhà nước.

**Điều 7. Vai trò, vị trí và chức năng**

1. Vai trò:

a) Giúp Chính phủ quản lý, giám sát có hiệu quả vốn và tài sản nhà nước tại các doanh nghiệp; tập trung nguồn vốn nhà nước đang đầu tư tại doanh nghiệp để đầu tư phát triển các ngành, lĩnh vực chiến lược, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế;

b) Thực hiện các chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước về tái cơ cấu, thoái vốn, sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước.

2. Chức năng:

a) Đầu tư và quản lý danh mục tài sản, vốn đầu tư của nhà nước tại các doanh nghiêp trên nguyên tắc bảo toàn và tối đa hóa giá trị tài sản, vốn đầu tư nhà nước được giao quản lý.

b) Chuyên trách thực hiện đầy đủ tất cả các quyền chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý, trừ các quyền thuộc Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật quản lý vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp và các luật có liên quan.

c) Trực tiếp hoặc chủ trì tham mưu, giúp Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về chính sách sở hữu nhà nước; tái cơ cấu và đổi mới doanh nghiệp nhà nước; đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế.

3. Ủy ban là cơ quan thuộc Chính phủ:

a) Chịu sự quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ theo ngành, lĩnh vực. Ủy ban không có chức năng ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

b) Trực tiếp chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kết quả và hiệu quả đầu tư, hiệu quả sử dụng tài sản và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

c) Chịu sự đánh giá, giám sát của Chính phủ, của Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Quốc hội, các cơ quan có liên quan trực thuộc Ban chấp hành Trung ương Đảng trong thực hiện các chức năng, nhiệm vụ làm đại diện chủ sở hữu nhà nước, các mục tiêu, chỉ tiêu về bảo toàn, phát triển và tối đa hóa giá trị tài sản và vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp.

d) Chịu sự đánh giá, giám sát của nhân dân, báo chí, truyền thông, các tổ chức chính trị - xã hội trong đầu tư và quản lý danh mục tài sản, vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, trong thực hiện các quyền và trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước tại các doanh nghiệp.

**Điều 8. Nhiệm vụ**

1. Thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước, cổ đông, thành viên góp vốn đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch 05 năm và hằng năm của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

3. Thực hiện cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp theo phương án được Chính phủ phê duyệt.

4. Xây dựng danh mục đầu tư; thiết lập thông tin đánh giá danh mục đầu tư, giá trị vốn đầu tư, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý, điều hành doanh nghiệp nhà nước; người đại diện tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

5. Theo dõi, thu thập, tổng hợp, báo cáo, công bố thông tin về doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

6. Phân tích, đánh giá việc thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ chủ sở hữu, kết quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước.

7. Kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đối với hoạt động của khu vực doanh nghiệp nhà nước và quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

8. Báo cáo Chính phủ, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội theo định kỳ hoặc đột xuất về kết quả thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư; việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ chủ sở hữu đối với doanh nghiệp và vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

9. Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật.

10. Tham gia góp ý xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp khi được yêu cầu.

11. Thực hiện quản lý tài chính, lao động, tiền lương và các chế độ khuyến khích khác như doanh nghiệp nhà nước.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công hoặc uỷ quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và theo quy định của pháp luật về cơ quan thuộc Chính phủ.

**Điều 9. Cơ cấu tổ chức**

1. Ủy ban có Chủ tịch và các Phó Chủ tịch.

2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Ủy ban; các Chủ tịch giúp việc Chủ tịch và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực được phân công.

4. Chủ tịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị trực thuộc; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu các đơn vị trực thuộc.

5. Cơ cấu tổ chức:

a) Ban Đầu tư tài chính.

b) Ban Phân tích, dự báo, kế hoạch và đầu tư chiến lược.

c) Ban Đầu tư phát triển hạ tầng và năng lượng.

d) Ban Công nghệ thông tin và truyền thông.

đ) Ban Công nghiệp chế tác.

e) Ban Đầu tư và Phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp.

g) Văn phòng Ủy ban.

h) Tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị- xã hội khác.

i) Hội đồng tư vấn độc lập gồm các chuyên gia kinh tế, quản lý doanh nghiệp độc lập; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Lãnh đạo Ủy ban trong việc rà soát, có ý kiến trước khi Lãnh đạo Ủy ban ban hành cơ chế, chính sách đối với khối doanh nghiệp do Ủy ban trực tiếp quản lý; nghiên cứu, đề xuất các cơ chế nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

**Điều 10. Quyền hạn đối với doanh nghiệp nhà nước**

1. Quyết định thành lập mới doanh nghiệp nhà nước sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương thành lập.

Đề nghị Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập doanh nghiệp có tài sản hoạt động sản xuất, kinh doanh được hình thành từ việc thực hiện dự án quan trọng quốc gia hoặc doanh nghiệp có tiêu chí tương đương với dự án quan trọng quốc gia đã được Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư.

2. Quyết định những nội dung sau đây theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty:

a) Mức vốn điều lệ, điều chỉnh mức vốn điều lệ, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 41 Luật số 69/2014/QH13.

b) Điều lệ và điều lệ sửa đổi, bổ sung, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền ban hành của Chính phủ quy định tại Điều 40 Luật số 69/2014/QH13.

c) Tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, đề nghị phá sản doanh nghiệp.

3. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 41 Luật số 69/2014/QH13.

4. Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của Kiểm soát viên; giao nhiệm vụ, đánh giá kết quả hoạt động và trả lương cho kiểm soát viên chuyên trách, thù lao cho kiểm soát viên kiêm nhiệm theo quy định pháp luật về kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

5. Phê duyệt để Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc hoặc Giám đốc doanh nghiệp.

6. Quyết định quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của người quản lý doanh nghiệp.

7. Phê duyệt để Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty quyết định các nội dung sau đây:

a) Chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất, kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 41 Luật số 69/2014/QH13.

b) Phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động bằng hoặc trên 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn và quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật đầu tư công.

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh phải bảo đảm tổng số nợ phải trả bao gồm các khoản bảo lãnh đối với công ty con không quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn.

c) Từng dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán tài sản cố định và dự án đầu tư ra ngoài doanh nghiệp có giá trị quy định tại Điểm b Khoản này.

d) Từng dự án đầu tư ra nước ngoài của doanh nghiệp.

Trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội thì Thủ tướng Chính phủ quyết định đầu tư sau khi Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; trường hợp dự án đầu tư ra nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ thì Ủy ban quyết định đầu tư sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

đ) Góp vốn, tăng, giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

e) Tiếp nhận công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty con, công ty liên kết của doanh nghiệp.

g) Báo cáo tài chính; phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ hằng năm của doanh nghiệp.

8. Quyết định theo đề nghị của Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty về việc cấp vốn để thực hiện việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; quyết định việc chuyển nhượng vốn đầu tư của doanh nghiệp tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong trường hợp giá trị chuyển nhượng thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán của doanh nghiệp sau khi đã bù trừ dự phòng tổn thất vốn đầu tư.

9. Thực hiện quyền giám sát, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp và người quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định này.

10. Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

**Điều****11. Nghĩa vụ đối với doanh nghiệp nhà nước**

1. Thực hiện nghĩa vụ đầu tư đủ vốn điều lệ cho doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

2. Tuân thủ Điều lệ đã được phê duyệt của doanh nghiệp và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những quyết định không đúng thẩm quyền.

3. Giám sát, kiểm tra, đánh giá các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp gặp khó khăn trong thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, cơ quan đại diện chủ sở hữu yêu cầu và chỉ đạo doanh nghiệp có đề án khắc phục và báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

4. Chỉ đạo Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Giám đốc thực hiện thủ tục yêu cầu phá sản khi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản theo quy định của pháp luật có liên quan.

5. Thực hiện đúng thẩm quyền, đúng pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay của doanh nghiệp; giám sát thực hiện các quyết định và phê duyệt của mình.

Chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật nếu quyết định không đúng thẩm quyền hoặc tài sản cố định được đầu tư, xây dựng, mua, bán không sử dụng được, sử dụng không hiệu quả.

6. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của doanh nghiệp; bảo đảm để Hội đồng thành viên, Chủ tịch, Tổng giám đốc, Giám đốc chủ động quản lý, điều hành có hiệu quả doanh nghiệp theo quy định của pháp luật và Điều lệ doanh nghiệp.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

**Điều 12. Quyền hạn trong thực hiện quyền chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên**

1. Ủy ban thực hiện quản lý vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thông qua người đại diện phần vốn nhà nước.

2. Ủy ban quyết định cử, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện phần vốn nhà nước.

3. Người đại diện phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau đây:

a) Có năng lực, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kinh nghiệm công tác phù hợp với yêu cầu của vị trí, chức danh được cử làm người đại diện;

b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Người đứng đầu, Cấp phó của người đứng đầu Ủy ban; Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp;

c) Có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

d) Hiểu biết pháp luật, có ý thức chấp hành pháp luật;

đ) Không trong thời gian cấm đảm nhiệm chức vụ, xem xét xử lý kỷ luật, điều tra, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù, thi hành quyết định kỷ luật;

e) Tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Ủy ban có thể cử người đại diện chuyên trách và người đại diện không chuyên trách tại các doanh nghiệp:

a) Việc cử người đại diện phải thực hiện bằng văn bản, trong đó quy định quyền, trách nhiệm của người đại diện.

b) Thời hạn cử người đại diện được xác định không quá nhiệm kỳ của Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị của doanh nghiệp được cử đến.

c) Người đại diện chuyên trách tham gia làm người đại diện tại một doanh nghiệp.

d) Người đại diện không chuyên trách có thể tham gia làm người đại diện phần vốn nhà nước tại không quá ba doanh nghiệp, số lượng người đại diện không chuyên trách tại một doanh nghiệp không quá 30% số lượng thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị.

5. Quyền, trách nhiệm của người đại diện:

a) Báo cáo, xin ý kiến Ủy ban trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên.

b) Báo cáo kịp thời về việc công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

c) Tổng hợp, báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm và đột xuất về tình hình sản xuất, kinh doanh, tình hình tài chính và kiến nghị giải pháp theo yêu cầu của Ủy ban.

d) Yêu cầu công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên nộp vào ngân sách nhà nước khoản lợi nhuận, cổ tức được chia tương ứng với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty.

đ) Không được tiếp tục làm người đại diện khi thực hiện không đúng quyền, trách nhiệm được giao hoặc không còn đáp ứng tiêu chuẩn của người đại diện.

e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi vi phạm gây tổn thất vốn nhà nước.

g) Thực hiện quyền, trách nhiệm khác quy định tại điều lệ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, pháp luật về doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

6. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng và quyền lợi khác của người đại diện:

a) Người đại diện chuyên trách được hưởng tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả.

b) Người đại diện không chuyên trách được hưởng thù lao do công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên chi trả; tiền lương, phụ cấp trách nhiệm, tiền thưởng và quyền lợi khác do Ủy ban chi trả.

7. Ủy ban có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đối với những vấn đề thuộc trách nhiệm của người đại diện phải báo cáo, xin ý kiến.

8. Ủy ban chịu trách nhiệm trước Chính phủ về những nội dung sau đây:

a) Quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư tăng vốn, chuyển nhượng cổ phần, vốn góp của Nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

b) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

c) Kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động của người đại diện phần vốn nhà nước.

d) Hiệu quả sử dụng, bảo toàn, phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

9. Ủy ban thực hiện quyền, trách nhiệm khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 13. Cách thức tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu**

1. Mọi quyết định chủ sở hữu phải được lập thành văn bản.

2. Ủy ban có trách nhiệm ban hành và thực hiện quy chế về tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu của mình, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Trình tự, thủ tục, cách thức xử lý kiến nghị của doanh nghiệp và của người đại diện.

b) Trình tự, thủ tục ban hành quyết định chủ sở hữu.

c) Cơ chế chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong quản lý, giám sát doanh nghiệp.

d) Trình tự, thủ tục báo cáo, kiến nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

đ) Xây dựng, lưu trữ, xử lý và vận hành hệ thống thông tin về các doanh nghiệp thuộc đối tượng quản lý, giám sát.

e) Các nội dung cần thiết khác để thực hiện quyền và trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp.

3. Ủy ban tiếp nhận, xem xét các kiến nghị của doanh nghiệp để ban hành quyết định hoặc chủ trì lấy ý kiến của cơ quan nhà nước có liên quan trước khi trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Doanh nghiệp không trực tiếp lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan.

**Chương III**

**GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU NHÀ NƯỚC**

**Mục 1**

**GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN**

**Điều 14. Giám sát hoạt động của Ủy ban**

1. Chính phủ thống nhất tổ chức giám sát việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ủy ban.

2. Nội dung giám sát bao gồm:

a) Giám sát tình hình thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ được giao trong quản lý, giám sát vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

3. Ủy ban có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về tình hình thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ được giao và việc tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

**Điều 15. Tổ chức giám sát**

1. Giám sát hoạt động của Ủy ban bằng phương thức giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau.

2. Ủy ban lập Báo cáo hằng năm về tình hình thực hiện các quyền và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên gửi Chính phủ trước ngày 31 tháng 5 hằng năm; bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

a) Mục tiêu và nhiệm vụ mà Chính phủ giao trong quản lý vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

b) Tình hình chung về hoạt động, tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có phần vốn nhà nước do cơ quan làm đại diện chủ sở hữu nhà nước; các chỉ tiêu tài chính, kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Toàn bộ các quyết định đã ban hành thuộc quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Ủy ban đối với từng doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

d) Các nội dung khác.

**Điều 16. Đánh giá kết quả hoạt động của Ủy ban**

1. Tiêu chí đánh giá:

a) Mức độ hoàn thành các chỉ tiêu được giao về hiệu quả tài chính, hiệu quả xã hội và mục tiêu đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

b) Mức độ hoàn thành kế hoạch, lộ trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp thuộc diện quản lý.

c) Tính hợp pháp, hợp lý và cẩn trọng của các quyết định chủ sở hữu do cơ quan đại diện chủ sở hữu đã thực hiện trong kỳ báo cáo.

2. Căn cứ đánh giá:

a) Mục tiêu và nhiệm vụ mà Chính phủ giao.

b) Kết quả thực hiện các quyền và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

c) Kết quả giám sát việc thực hiện các quyền và trách nhiệm của Ủy ban.

3. Phương thức đánh giá:

a) Chính phủ giao Ủy ban các chỉ tiêu đánh giá cần thực hiện hằng năm và 05 năm căn cứ các tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều này. Các chỉ tiêu không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ trường hợp bất khả kháng.

b) Việc đánh giá thực hiện trên cơ sở so sánh giữa chỉ tiêu đánh giá được giao với kết quả thực hiện trong kỳ kế hoạch.

c) Kết quả đánh giá được phân loại: Hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ theo mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá.

**Điều 17. Công bố thông tin**

1. Ủy ban có trách nhiệm công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động của mình.

2. Phương tiện công bố thông tin gồm: Hệ thống tiếp nhận thông tin, cổng hoặc trang thông tin điện tử, ấn phẩm và các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật.

3. Các thông tin phải công bố:

a) Thông tin chung về tình hình thực hiện các quyền và trách nhiệm đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bao gồm:

- Mục tiêu, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện.

- Toàn bộ các quyết định đã ban hành thuộc quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của cơ quan chuyên trách đối với từng doanh nghiệp trong kỳ báo cáo.

- Kết quả thực hiện tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có phần vốn nhà nước do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu nhà nước.

- Các chỉ tiêu tài chính, kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của toàn bộ doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

- Số liệu tài chính tổng hợp của toàn bộ giá trị vốn nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp khác do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu.

b) Thông tin về danh mục các doanh nghiệp và phần vốn nhà nước do Ủy ban làm đại diện chủ sở hữu:

- Mục tiêu, nhiệm vụ của doanh nghiệp.

- Người đại diện tại doanh nghiệp.

- Các chỉ tiêu tài chính, vốn nhà nước, kết quả và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) Các báo cáo cần công bố:

- Báo cáo hoạt động 6 tháng và thường niên về hoạt động của Ủy ban, bao gồm cả thông tin chung về doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước do Ủy ban quản lý, giám sát.

- Báo cáo của từng doanh nghiệp gửi Ủy ban theo pháp luật về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, bao gồm: Chiến lược phát triển của doanh nghiệp; kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm của doanh nghiệp; Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm của doanh nghiệp; Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm và ba (03) năm gần nhất tính đến năm báo cáo; Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích và trách nhiệm xã hội khác (nếu có); Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hằng năm; Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp; Báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp; Báo cáo chế độ tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp.

4. Ủy ban có trách nhiệm phê duyệt các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước theo thẩm quyền; bảo đảm tính công khai, minh bạch và kịp thời của các thông tin được công bố.

5. Lãnh đạo Ủy ban chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực các nội dung báo cáo và thông tin công bố quy định tại Điều này.

**Điều 18. Kiểm toán**

1. Ủy ban phải thực hiện kiểm toán độc lập Báo cáo hoạt động thường niên. Trước và sau khi kiểm toán, Báo cáo hoạt động thường niên phải được gửi đến Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban là đối tượng thuộc kiểm toán nhà nước hằng năm và kiểm toán nhà nước theo chuyên đề liên quan đến quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước thuộc chương trình giám sát của Quốc hội.

**Mục 2**

**GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ CỦA ỦY BAN ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC**

**Điều 19. Nội dung giám sát đối với doanh nghiệp nhà nước**

1. Giám sát tài chính.

2. Giám sát thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm và 05 năm của doanh nghiệp, bao gồm cả kế hoạch sắp xếp, đổi mới, tái cơ cấu doanh nghiệp;

3. Giám sát tình hình quản trị, tổ chức quản lý, chế độ tiền lương, tiền thưởng, công tác quản lý cán bộ và lao động tại doanh nghiệp

4. Các nội dung giám sát khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 20. Căn cứ thực hiện giám sát doanh nghiệp nhà nước**

1. Mục tiêu và các chỉ tiêu giám sát trong từng thời kỳ do Ủy ban xây dựng đối với từng doanh nghiệp.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển hằng năm và năm (05) năm của doanh nghiệp; phương án tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp đã được phê duyệt.

3. Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản trị, quản lý của doanh nghiệp.

4. Các báo cáo về nội dung giám sát quy định tại Nghị định này.

5. Các thông tin, tài liệu có liên quan khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 21. Phương thức giám sát doanh nghiệp nhà nước**

1. Giám sát trực tiếp, giám sát gián tiếp, giám sát trước, giám sát trong, giám sát sau.

2. Việc kiểm tra, thanh tra thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của pháp luật về kiểm tra, thanh tra.

**Điều 22. Tổ chức giám sát doanh nghiệp nhà nước**

Ủy ban có trách nhiệm:

1. Xây dựng và ban hành quy chế giám sát và đánh giá hoạt động của doanh nghiệp.

2. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin để thu thập thông tin trực tiếp từ các doanh nghiệp.

3. Xác định chỉ tiêu giám sát đối với từng doanh nghiệp trong từng thời kỳ phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Lập kế hoạch giám sát đối với các doanh nghiệp. Kế hoạch giám sát tài chính phải xác định rõ mục tiêu, nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát đối với mỗi doanh nghiệp.

5. Quy định thời gian nộp báo cáo về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp.

6. Thu thập và quản lý thông tin tài chính của từng doanh nghiệp đảm bảo kịp thời, đầy đủ, liên tục.

7. Khi phát hiện tình hình hoạt động của doanh nghiệp có dấu hiệu rủi ro, phải cảnh báo kịp thời cho doanh nghiệp. Chỉ đạo doanh nghiệp có giải pháp kịp thời ngăn chặn, khắc phục các rủi ro, yếu kém; đưa ra các biện pháp chấn chỉnh và xử lý sai phạm; báo cáo Thủ tướng Chính phủ  đối với các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật.

8. Báo cáo giám sát:

a) Căn cứ vào kết quả giám sát và các quy định của pháp luật có liên quan, Ủy ban lập Báo cáo giám sát chung và Báo cáo giám sát của từng doanh nghiệp định kỳ sáu (06) tháng và hằng năm gửi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 31 tháng 8 của năm báo cáo. Báo cáo năm gửi trước ngày 31 tháng 5 của năm tiếp theo.

c) Ủy ban chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của kết quả giám sát doanh nghiệp.

d) Tổ chức thực hiện các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các kiến nghị của các cơ quan có liên quan về việc xử lý các sai phạm và biện pháp tăng cường giám sát doanh nghiệp.

d) Trường hợp báo cáo của doanh nghiệp có dấu hiệu không đầy đủ, không chính xác, Ủy ban được quyền yêu cầu doanh nghiệp thuê công ty kế toán, kiểm toán độc lập đáp ứng điều kiện chuyên môn thực hiện việc soát xét lại số liệu tài chính của doanh nghiệp để có cơ sở đưa ra đánh giá, nhận xét và kết luận giám sát.

**Điều 23. Đánh giá hoạt động của doanh nghiệp nhà nước**

1. Ủy ban xây dựng tiêu chí đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động của từng doanh nghiệp, bao gồm doanh thu, lợi nhuận, tỷ suất lợi nhuận, nợ, năng suất lao động và các tiêu chí khác (nếu có).

2. Căn cứ tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều này, Ủy ban giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại phù hợp với đặc thù hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng doanh nghiệp hằng năm và 05 năm. Các chỉ tiêu này phải giao cho doanh nghiệp bằng văn bản trước ngày 30 tháng 4 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch (trừ các trường hợp bất khả kháng lớn).

3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hằng năm của doanh nghiệp phải được lập căn cứ vào kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp, xu hướng phát triển của ngành, các thay đổi về mặt pháp lý, kết quả hoạt động của năm trước, các nhiệm vụ chiến lược hoặc các nhiệm vụ được giao trong năm kế hoạch, các điều kiện bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Kế hoạch hằng năm phải bao gồm các mục tiêu cụ thể.

4. Việc đánh giá hiệu quả và xếp loại doanh nghiệp thực hiện trên cơ sở so sánh giữa kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được Ủy ban giao với kết quả thực hiện.

**Điều 24. Giám sát, đánh giá hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước**

1. Ủy ban thực hiện chức năng giám sát thông qua Người đại diện đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước.

2. Nội dung giám sát:

a) Giám sát việc bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

b) Giám sát việc quản lý và sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp

c) Giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

d) Giám sát việc thực hiện kế hoạch thoái vốn nhà nước, thu hồi vốn nhà nước, thu lợi nhuận, cổ tức được chia từ doanh nghiệp.

3. Việc giám sát thực hiện gián tiếp thông qua các báo cáo định kỳ, đột xuất hoặc theo yêu cầu của Ủy ban do Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp báo cáo.

4. Đánh giá kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước:

a) Ủy ban căn cứ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước để nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hai nhóm: Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ không quá 50% vốn điều lệ.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ kết quả đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và kết quả hoạt động của doanh nghiệp có vốn nhà nước để xem xét việc tiếp tục đầu tư, mở rộng đầu tư hay thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp này; đồng thời làm căn cứ đánh giá, khen thưởng đối với Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp và làm cơ sở để xây dựng kế hoạch, giao nhiệm vụ cho Người đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp trong năm tiếp theo.

**Chương IV**

**ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều** **25. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày …

2. Nghị định thay thế Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp.

**Điều** **26. Tổ chức thực hiện**

1. Áp dụng các quy định của Nghị định này để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp do Bộ, Ủy Ban nhân dân cấp tỉnh làm cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập hoặc phân công một đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ tổ chức tham mưu giúp Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước tùy theo số lượng, quy mô và đặc thù của doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao quản lý.

3. Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty do Chính phủ ban hành; tiếp tục nhận chuyển giao doanh nghiệp nhà nước và phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc các cơ quan đại diện chủ sở hữu theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

4. Bộ quản lý ngành chuyển giao doanh nghiệp nhà nước hoạt động kinh doanh và phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp về cơ quan chuyên trách hoặc Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty của doanh nghiệp nhà nước và người đại diện vốn Nhà nước có trách nhiệm thi hành Nghị định này./

|  |  |
| --- | --- |
|  ***Nơi nhận:***- Ban Bí thư Trung ương Đảng;- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;- Văn phòng Tổng Bí thư;- Văn phòng Chủ tịch nước;- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;- Văn phòng Quốc hội;- Tòa án nhân dân tối cao;- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;- UB Giám sát tài chính QG;- Kiểm toán Nhà nước;- Ngân hàng Chính sách xã hội;- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;- Các tập đoàn kinh tế nhà nước và TCTNN;- Ban Chỉ đạo Đổi mới và PTDN;- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;- Lưu: Văn thư, ĐMDN (3b). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG****Nguyễn Xuân Phúc** |

# Phụ lục

# Danh sách dự kiến doanh nghiệp và vốn nhà nước tại doanh nghiệp chuyển giao cho cơ quan chuyên trách làm đại diện chủ sở hữu nhà nước

#

|  |  |
| --- | --- |
|  | Tập đoàn Dệt May Việt Nam |
|  | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  |
|  | Tập đoàn Điện lực Việt Nam  |
|  | Tập đoàn Hóa chất Việt Nam |
|  | Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản |
|  | Tập đoàn Bưu chính -Viễn thông Việt Nam |
|  | Tập đoàn Công Nghiệp Cao su Việt Nam |
|  | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam |
|  | Tập đoàn Bảo Việt |
|  | Tổng công ty Cà phê |
|  | Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước |
|  | Tổng công ty Đường sắt |
|  | Tổng công ty Hàng hải Việt Nam |
|  | Tổng công ty Hàng không Việt Nam |
|  | Tổng công ty Lương thực miền Bắc |
|  | Tổng công ty Lương thực miền Nam |
|  | Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam |
|  | Tổng công ty Giấy Việt Nam |
|  | Tổng công ty Thép Việt Nam |
|  | Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy |
|  | Tổng công ty Sông Đà |
|  | Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD) |
|  | Tổng công ty Truyền thông đa phương tiện |
|  | Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam |
|  | Tổng công ty Máy động lực và máy nông nghiệp |
|  | Tổng công ty Đầu tư phát triển đô thị và khu công nghiệp |
|  | Tổng công ty Lâm nghiệp Việt Nam |
|  | Tổng công ty Dược Việt Nam |
|  | Tổng công ty Rượu- Bia - Nước giải khát Sài Gòn |
|  | Tổng công ty Rượu - Bia - Nước giải khát Hà Nội |